

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2021.

“V/v ly hôn giữa chị T và anh Đ”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Nguyễn Thị Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T; sinh năm 1992; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Viết Đ; sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; Nơi ở hiện nay: Số 01, đường 4c, khu phố 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L; sinh năm 1964; Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 26-01-2021; bản tự khai ngày 27-01-2021; đơn đề nghị trong các ngày 18-5-2021, 21-9-2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh Trần Viết Đ đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08-9-2013 tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh Đ

ở thôn H, xã T được khoảng 01 tháng thì vợ, chồng đi vào trong quận 3, thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống. Nhưng hàng năm chị vẫn về quê để thăm người thân và gia đình hai bên, còn anh Đ thì cứ khoảng 02 năm mới về một lần. Tuy nhiên ngay sau khi vợ, chồng đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do khi vợ, chồng chung sống cùng với nhau chung một mái nhà thì chị mới phát hiện ra anh Đ thường hay tụ tập bạn bè chơi cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá mà không chịu đi làm ăn. Khi mà anh Đ lao vào việc chơi cờ và không chịu đi làm thì chị đã rất nhiều lần khuyên can, nhưng lần nào chị khuyên can thì anh Đ cũng chửi bới chị, đánh đập chị. Do chơi cờ nên cứ vài tháng anh Đ lại bị báo nợ mấy trăm triệu đồng, cứ chưa trả hết nợ lần này thì lại báo nợ thêm lần khác. Vì vậy đã dẫn đến trong cuộc sống vợ, chồng chị thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau nên vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không có hạnh phúc và mâu thuẫn thì ngày càng xảy ra trầm trọng hơn. Mâu thuẫn của vợ, chồng chị xảy ra trầm trọng nhất vào khoảng giữa năm 2019 nên chị đã phải đi vay tiền của người thân để mở một quán bán bún đậu mắm tôm rồi chị tách ra sống riêng và làm ăn riêng với anh Đ, nhưng mà anh Đ vẫn tìm đến quán của chị đòi tiền của chị, khi chị không đưa tiền cho anh Đ thì anh Đ bắt chị phải đóng cửa quán và đập phá quán của chị nên đã có lần chị phải báo Công an phường đến can thiệp, giải quyết nhưng anh Đ vẫn không chịu buông tha cho chị. Vì vậy mà chị đã phải chuyển nhượng lại quán bán bún đậu mắm tôm cho người khác và đến khoảng tháng 5-2020 chị đã bỏ về nhà, bố mẹ đẻ của chị ở thôn B, xã T để sinh sống và vợ, chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Chị T xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng cũng không còn tồn tại từ nhiều ngày nay và chị với anh Đ cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì với nhau nên mục đích của hôn nhân không còn Đ được. Do đó chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Viết Bình M; sinh ngày 29-11-2014 và trong suốt thời gian vợ, chồng chị làm ăn, sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh thì vợ, chồng chị đã gửi cháu M về quê nhờ ông, bà nội ngoại của cháu M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M và đến đầu năm 2021 thì bà nội của cháu M đã đón hẳn cháu M về để nuôi dưỡng và đến khoảng tháng 5-2021, sau khi cháu M được nghỉ hè thì bà nội của cháu đã đưa cháu vào trong Thành phố Hồ Chí Minh chơi với anh Đ và anh Đ đã giữ luôn cháu M ở trong đó, anh Đ không cho cháu về cùng với bà nội của cháu. Nên hiện nay cháu M vẫn đang trực tiếp sinh sống cùng với anh Đ ở trong thành phố Hồ Chí Minh. Ly hôn, chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị; về điều kiện nuôi con của chị thì hiện chị có đầy đủ sức khỏe, có công việc làm ổn định, có thu nhập ổn định khoảng 8.000.000đ/tháng nên hiện nay chị có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con được tốt nhất và chị đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Chị và anh Đ không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra chị còn trình bày hiện nay anh Đ đang cư trú tại địa chỉ: Số 01, đường 4c, khu phố 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy nếu Tòa án có gửi văn bản tố tụng gì cho anh Đ thì đề nghị Tòa án cứ gửi theo địa chỉ này và gửi cả về địa chỉ mà anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú để cho anh Đ được biết.

\* Đối với anh Trần Việt Đ là bị đơn trong vụ án: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập anh Đ về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do và cho đến nay anh Đ cũng không có ý kiến hay quan điểm gì của mình về việc giải quyết vụ án; ngoài ra thì ngày 20-5-2021 Tòa án nhân dân huyện V cũng đã ra quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ đối với anh Đ. Tuy nhiên đến ngày 10-9-2021 Tòa án nhân dân thành phố T đã có văn bản thông báo kết quả ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện V, với nội dung: Cho đến nay Tòa án nhân dân thành phố T vẫn chưa thể thực hiện được nội dung quyết định ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện V, vì lý do tình hình dịch bệnh Covid 19, đến nay Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang thực hiện biện pháp cách ly toàn xã hội.

\* Tại biên bản làm việc ngày 12-4-2021; biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị ngày 16-7-2021 cũng như lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đ và là mẹ chồng của chị T. Anh Đ và chị T kết hôn với nhau vào tháng 9-2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T và đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn được một thời gian ngắn thì anh Đ và chị T đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống và sau khi anh Đ, chị T vào trong Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống thì vợ, chồng chỉ chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ và chị T luôn bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau. Do đó đến khoảng tháng 05-2020 chị T đã bỏ về quê để làm ăn, sinh sống cho đến nay, còn anh Đ thì vẫn sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh. Nay chị T xin ly hôn với anh Đ bà không có ý kiến gì. Anh Đ và chị T có 01 con chung là cháu Trần Việt Bình M, sinh ngày 29-11-2014. Trong suốt thời gian anh Đ và chị T làm ăn, sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh thì vợ, chồng anh Đ, chị T đã gửi cháu M về quê nhờ bà trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M hộ cho vợ, chồng và đến khoảng tháng 5-2021, sau khi cháu M được nghỉ hè bà đã đưa cháu M vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để chơi với anh Đ. Nhưng sau đó do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp nên khi bà trở về quê thì bà cũng không đưa cháu M về cùng với bà được nên hiện nay cháu M vẫn đang sinh sống cùng với anh Đ ở trong Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp nếu như anh Đ và chị T phải ly hôn với nhau thì bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và bà sẽ hỗ trợ anh Đ trong việc nuôi dưỡng cháu M. Anh Đ và chị T không có tài sản chung, công nợ chung và cũng không có nội dung gì khác có liên quan.

Ngoài ra bà L còn trình bày: Hiện nay anh Đ và chị T vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T. Nhưng từ khi chị T bỏ về quê cho đến nay chị T

không có cư trú ở thôn H, xã T một ngày nào mà chị T cư trú ở quê của chị T là thôn B, xã T; còn anh Đ thì hiện nay vẫn đang làm ăn và cư trú ở trong Thành phố Hồ Chí Minh và anh Đ hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 01, đường 4c, khu phố 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; về các văn bản tố tụng mà trước đây Tòa án đã gửi về xã T cho anh Đ thì bà đều đã nhận được và ngay sau khi nhận được thì bà đều đã thông báo nội dung của văn bản tố tụng đó cho anh Đ biết. Vì vậy nếu sau này Tòa án có gửi văn bản tố tụng gì nữa cho anh Đ thì bà đề nghị Tòa án cứ gửi hoặc là cứ giao cho bà, bà sẽ nhận thay cho anh Đ rồi bà sẽ thông báo ngay cho anh Đ biết; vì lý do bà đã già yếu nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn vì vậy bà không thể đến Tòa án để tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án được nên bà đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của bà.

\* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 13-4-2021, đại diện UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp về các nội dung có liên quan đến vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 08-9-2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn một thời gian ngắn thì anh Đ và chị T đã đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống nhưng hàng năm vẫn thấy vợ, chồng anh Đ, chị T đi về quê để thăm nom người thân và gia đình vào những dịp gia đình hai bên có công việc, sau đó rồi vợ, chồng anh Đ, chị T lại đi vào trong Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng năm 2020 thì địa phương thấy một mình chị T bỏ về quê sinh sống và chị T đã sinh sống tại thôn B, xã T từ đó cho đến nay, từ khi chị T bỏ về quê cho đến nay địa phương cũng không thấy anh Đ về quê lần nào; về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ, chồng anh Đ, chị T theo như báo cáo của chị T và của bà L mẹ đẻ anh Đ thì nguyên nhân là do anh Đ và chị T luôn bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, ngoài ra còn do anh Đ chơi cờ bạc, lô đề, cá độ bóng đá và bị thua lỗ dẫn đến bị nợ nần tiền bạc của người khác nên anh Đ và chị T thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau.

Về con chung: Anh Đ và chị T có 01 con chung là cháu Trần Viết Bình M, sinh ngày 29-11-2014. Hiện nay cháu M đang trực tiếp sinh sống cùng với bà nội của cháu là bà Trần Thị L ở thôn H, xã T; về điều kiện nuôi con thì địa phương được biết hiện nay chị T có đầy đủ sức khỏe, có công việc làm ổn định, có thu nhập ổn định bình quân khoảng từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng nên chị T có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi con; còn điều kiện nuôi con của anh Đ thì do anh Đ không làm ăn, sinh sống tại địa phương nên địa phương không nắm bắt được tình hình sức khỏe cũng như công việc làm và thu nhập của anh Đ hiện nay như thế nào nên địa phương không thể biết được điều kiện nuôi con của anh Đ.

Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Anh Đ và chị T không có tài sản là nhà ở và đất ở trên địa bàn xã T và cũng không thấy có nợ tập thể khoản gì; còn về nợ cá nhân thì cho đến nay địa phương cũng chưa thấy có cá nhân nào báo cáo hoặc đơn thư đề nghị giải quyết.

Về việc đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Hiện nay anh Đ và chị T đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T. Nhưng hiện nay cả hai người đều

không cư trú ở thôn H, xã T, chị T thì cư trú ở thôn B, xã T, còn anh Đ thì cư trú ở trong Thành Phố Hồ Chí Minh.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Viết Đ.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Viết Bình M; sinh ngày 29-11-2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T.

- Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cũng như tại thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, anh Trần Viết Đ là bị đơn trong vụ án đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý vụ án và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần thông báo và triệu tập hợp lệ anh Trần Viết Đ là bị đơn trong vụ án về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được; tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nhưng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn bị đơn thì Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án:

[4].1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phạm Thị T và anh Trần Viết Đ đã kết hôn với nhau vào ngày 08-9-2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh Đ đã thỏa mãn về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên là hôn nhân hợp pháp do đó được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi chị T và anh Đ kết hôn với nhau được một thời gian ngắn thì vợ, chồng đã cùng nhau vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để làm ăn, sinh sống nhưng ngay sau khi vợ, chồng vào trong Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian ngắn thì chị T và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn từ đó dẫn đến trong cuộc sống vợ, chồng thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau nên vợ, chồng chung sống với nhau không được tình cảm và không được hạnh phúc. Vì vậy chị T đã phải đi thuê địa điểm khác để làm ăn riêng và sinh sống riêng một mình. Nhưng mâu thuẫn của vợ, chồng vẫn không được cải thiện, vợ, chồng chị T, anh Đ vẫn thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau và mâu thuẫn ngày lại càng trầm trọng hơn. Do vậy đến tháng 05-2020 chị T đã phải bỏ anh Đ để đi về quê sinh sống và vợ, chồng chị T, anh Đ đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng với nhau suốt từ thời điểm đó cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng của chị T và anh Đ đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19 và 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét hôn nhân của chị T và anh Đ nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế thì đời sống chung của vợ, chồng chị T, anh Đ cũng không còn tồn tại từ nhiều ngày nay. Nên mục đích của hôn nhân không còn Đ được. Do vậy đời sống chung của vợ, chồng chị T, anh Đ không thể kéo dài thêm được nữa. Vì vậy việc chị T xin ly hôn anh Đ là hoàn toàn có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa chị T và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4].2. Về con chung: Xét thấy chị T và anh Đ có 01 con chung là cháu Trần Viết Bình M, sinh ngày 29-11-2014. Ly hôn chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị, còn về phía anh Đ thì từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh Đ không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì của mình về việc nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không thể giao cháu M cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ, chồng ly hôn được; xét nguyện vọng nuôi con của chị T và điều kiện nuôi con của chị T thì thấy hiện nay chị T có đầy đủ sức khỏe, có công việc làm ổn định và có thu nhập ổn định nên chị T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho cháu M. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị. Do đó, Hội đồng xét xử không buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

[4].3. Về tài sản, công nợ và những nội dung khác có liên quan: Chị T xác định chị và anh Đ không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; mặt khác thì cho đến nay phía anh Đ cũng không có bất cứ ý kiến và yêu cầu đề nghị gì về những nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4].4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tình tiết mà chị T và bà L đã thừa nhận sự kiện: Trong thời gian chị T và anh Đ làm ăn sinh sống ở trong Thành phố Hồ Chí Minh vợ, chồng chị T, anh Đ đã gửi cháu M là con chung của vợ, chồng về quê cho bà L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hộ. Nhưng vào tháng 05-2021 bà L đã đưa cháu M vào trong Thành phố Hồ Chí Minh để chơi với anh Đ và sau đó do tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp bà L đã không đưa cháu M về cùng với bà được và bà để cháu M ở lại cùng với Đ và hiện nay cháu M vẫn đang trực tiếp sinh sống cùng với anh Đ ở trong Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy sự kiện này nay mới chỉ có phía bà L và phía chị T thừa nhận, còn về phía anh Đ thì chưa có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc anh Đ đã thừa nhận sự kiện này. Vì vậy chưa có đủ căn cứ để xác định sự kiện bà L đã đưa cháu M vào trong Thành phố Hồ Chí Minh chơi với anh Đ sau đó bà L đã để cháu M ở lại cùng với anh Đ và hiện nay cháu M vẫn đang trực tiếp sinh sống cùng với anh Đ ở trong Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy sự kiện này không thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn đưa bà L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Viết Đ.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Viết Bình M; sinh ngày 29-11-2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi nào chị T và anh Đ có yêu cầu đề nghị thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Viết Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị T.

Anh Trần Viết Đ có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Thị T.

Kể từ ngày chị Phạm Thị T có yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Viết Bình M thì nếu như cháu M đang ở cùng với anh Trần Viết Đ thì buộc anh Đ phải giao cháu M cho chị T, còn nếu như cháu M đang ở cùng với bà Trần Thị L thì buộc bà L phải giao cháu M cho chị T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002090 ngày 27-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**